TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2025/DS-ST
Ngày: 07/5/2025
V/v "Tranh chấp hợp vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Tấn Nghị và ông Lê Thanh Tâm
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.
Đại diện VKSND huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa: Bà Tạ Ngọc Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2025 tại trụ sở TAND huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2024/TLST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS ngày 24/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐ-HPT ngày 15/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hà Thị Ngọc S, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Nguyễn Minh Th, sinh năm 1966; Có mặt.
Địa chỉ: 53/3 Ng, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
Bị đơn: Phan Ngọc B, sinh năm 1982; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bà Nguyễn Minh Th trình bày:

Bà Hà Thị Ngọc S và ông Phan Ngọc B là chỗ quen biết nhau, nên vào ngày 09/01/2018 ông B có vay bà S số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) để mua bán hoa trong dịp tết, khi vay hai bên có lập giấy vay tiền, thỏa thuận lãi suất 1,7%/tháng, thời hạn trả gốc là sau 03 tháng kể từ ngày 09/01/2018, thời hạn trả lãi là vào ngày 09 hàng tháng. Khi vay tiền ông B có đưa bà S cầm giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AD 132324 để làm tin cho việc vay tiền. Sau khi vay tiền ông B có trả được 02 tháng lãi, kể từ tháng 3/2018 cho đến nay ông B không trả nữa, mặc dù bà S đã liên hệ và hối nhắc nhiều lần nhưng ông B cố tình tránh né không trả nợ cho bà S. Ông B có hứa hẹn trả hàng tháng nhưng vẫn không trả. Do đó, để đảm bảo quyền lợi ích của bà S. Bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B phải trả đủ dứt điểm số nợ gốc 100.000.000đ
và xin rút lại toàn bộ yêu cầu về việc buộc bị đơn ông B trả số tiền lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông B trình bày: Ông B thừa nhận có vay tiền bà S, còn nợ số tiền gốc 100.000.000đ như bà S trình bày là đúng sự thật. Nhưng việc làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả. Nay bà S khởi kiện, ông B thừa nhận còn nợ và chấp nhận trả cho bà S số tiền nợ gốc còn lại là 100.000.000đ, nhưng hiện nay ông B đang bị tạm giam trong vụ án khác nên chưa có tiền trả, hẹn đến khi nào hết giam, đi làm có tiền sẽ trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 465; Điều 466 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả đủ dứt điểm cho nguyên đơn tổng số tiền là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chứng minh được hoàn cảnh kinh tế hiện tại của mình đang gặp khó khăn, việc xin thời gian chậm trả số tiền nợ 100.000.000 đồng là nhằm kéo dài thời gian, không có thiện chí trả nợ nên đề nghị HĐXX không chấp nhận.

Nguyên đơn có đơn rút yêu cầu tính lãi suất là tự nguyện nên đề nghị HĐXX đình chỉ phần yêu cầu tính lãi suất.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Phan Ngọc B có nơi cư trú hiện nay tại: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn ông B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn cung cấp bản gốc Giấy vay tiền đề ngày 09/01/2018, với số tiền 100.000.000đ, thời hạn trả nợ là 03 tháng kể từ ngày 09/01/2018, hai bên có thỏa thuận lãi suất 1,7%/tháng , trong giấy mượn tiền có chữ viết, chữ ký của bị đơn Phan Ngọc B. Đây là hợp đồng dân sự vay tài sản có kỳ hạn, có lãi; có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ông B thừa nhận có vay và còn nợ bà S số tiền 100.000.000đ như bà S trình bày. Quá hạn thanh toán, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn ông B thanh toán nợ vay nhưng bị đơn ông B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chứng minh được hoàn cảnh kinh tế hiện tại của mình đang gặp khó khăn, việc xin thời gian chậm trả số tiền nợ 100.000.000 đồng là nhằm kéo dài thời gian, không có thiện chí trả nợ nên ý kiến của bị đơn ông B không có cơ sơ chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi:

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu về lãi suất, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ phần yêu cầu này.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% giá trị tài sản có tranh chấp là: 100.000.000đ x 5% = 5.000.000đ. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227, Điều 228, Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị Ngọc S.

1.1. Buộc bị đơn Phan Ngọc B phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Hà Thị Ngọc S số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) về khoản "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1.2 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi theo

mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.3. Đình chỉ xét xử sơ thẩm yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi suất.

2. Về án phí: Bị đơn Phan Ngọc B phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hoàn trả cho nguyên đơn Hà Thị Ngọc S 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001158 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4**.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- CC THADS huyện Tây Hòa;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ**.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Thúy